

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA NGHỆ THUẬT ỨNG DỤNG

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Lịch sử âm nhạc Việt Nam		
Mã học phần:	71HIST30022_01	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	01		
Hình thức thi: Dự án/Đồ án/Bài tập lớn/Tiểu luận	Thời gian làm bài:	60	Phút
☒ Cá nhân	☐ Nhóm		
<i>Quy cách đặt tên file</i>	<i>Mã SV_Ho và ten SV_.....</i>		

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Quy ước đặt tên file đề thi/đề bài:
- + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TIEUL_De 2

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Hiểu biết, trình bày, giải thích được về quy luật phát sinh - phát triển của âm nhạc, văn hoá âm nhạc Việt Nam;	TỰ LUẬN	25	1	2.5	
CLO 2	Hiểu biết, nắm vững, trình bày, giải thích được đặc trưng của các thể loại âm nhạc, đặc trưng âm nhạc trong mỗi giai đoạn, thời kỳ;	TỰ LUẬN	25	2	3,5	
CLO 3	Vận dụng những kiến thức về nội dung, hình tượng âm nhạc, phong cách của tác giả âm nhạc Việt Nam để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.	TỰ LUẬN	30	3	3.0	
CELO 4	Hiểu biết lịch sử, giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam để đóng góp vào sự nghiệp giáo dục các thế hệ sau và góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc dân tộc văn hoá âm nhạc.	TỰ LUẬN	20	4	1.0	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) *Nêu nội dung của CLO tương ứng.*

(3) *Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.*

(4) *Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).*

(5) *Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.*

(6) *Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.*

(7) *Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.*

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài (cho sử dụng tài liệu)

1/ Anh (Chị) hãy cho biết về những sự kiện âm nhạc dưới triều Lý. (2,5 điểm)

2/ Anh (Chị) hãy cho biết lịch sử quá trình hình thành và phát triển nghệ thuật sân khấu Tuồng. (3,5 điểm)

3/ Anh (Chị) hãy đánh giá thành tựu âm nhạc giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975 (3.0 điểm)

4/ Anh (Chị) cho biết cảm nhận và suy nghĩ của mình đối với 1 trong 3 Nghệ thuật sân khấu truyền thống (Chèo, Tuồng, Cải lương) cũng như đề xuất ý kiến góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc dân tộc văn hoá âm nhạc. (1.0 điểm)

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

1/ Anh (Chị) hãy cho biết về những sự kiện âm nhạc dưới triều Lý. (2.5 điểm)

Đáp án:

- Thời Bắc thuộc, văn hóa, âm nhạc Việt Nam ảnh hưởng nhà Đường (Trung Hoa). Đến thời Tiền Lê, âm nhạc Việt lại có thêm ảnh hưởng nhạc thời Tống của Trung Hoa. Từ thời Lý, âm nhạc phân hóa thành âm nhạc dân gian và âm nhạc cung đình.
- Ở thời Lý, tổ chức nhạc vũ cung đình mô phỏng cách tổ chức của thời Đường thường tự chuyên trách lễ nhạc trong cung; Giáo phường chuyên thu thập, truyền tập nhạc vũ dân gian, Thượng lâm đệ tử là nơi đào tạo trình diễn nhạc vũ trong cung. Nhạc vũ là một hoạt động thường xuyên trong cung đình, được tổ chức quy củ, được triều đình chú trọng đào tạo, phát triển, đủ cả ca múa nhạc với đội ngũ đông đảo. Về nội dung, nhạc vũ cung đình thời Lý tiếp thu nhạc vũ nhà Đường (tồn tại trong dân gian và cung đình thời trước) kết hợp với nhạc vũ Phật giáo.
- Âm nhạc Phật giáo thịnh hành.
- Nhà Lý cũng giành sự chú ý đặc biệt cho âm nhạc Chiêm Thành.
- Thời Lý còn có điệu múa Can thích. Lối hát múa này sang đến thời Trần vẫn được vua quan nhà Trần dùng trong các dịp giải trí.
- Theo *Việt sử lược*, cung đình nhà Lý bấy giờ còn có tạp kịch rất gần với lối tạp kịch phổ biến ở thời Tống, Trung Hoa.

- Theo bi ký và tài liệu sử ký biên niên, thời Lý đã có nhiều lễ hội : hội cung đình, hội đền, hội chùa.
- Trong dân gian thời này xuất hiện những lễ hội mới như: "Cờ lau tập trận" ca ngợi Đinh Tiên Hoàng, hát dặm Thi sơn ca ngợi Lý Thường Kiệt, chèo chài Thiệu sơn thờ Lê Phụng Hiểu... Các thể loại dân ca và nhạc nghi lễ dần dần có lẽ lối. Nhạc đạo Phật phát triển trong dân gian với các kiểu ngâm, tụng đọc, kể hạnh, múa hát chạy đàn, hát châu với những nhạc cụ đặc trưng của đạo Phật như mõ, chuông, tìu cảnh. Xuất hiện những hình thức sân khấu như rối nước, tuồng (tiếp thu từ phương Bắc).
- Sách Kiến văn tiểu lục còn ghi về một trò xiếc và âm nhạc thường diễn ở các nhà quan lại kinh thành Thăng Long. Khởi đầu, tào câu là một trò diễn ảo thuật xiếc, đây là trò diễn sớm nhất ở nước ta xuất hiện vào giữa thế kỷ X ở Thăng Long. Đến năm Đinh Dậu 1117, vua Lý Nhân Tông xuống chiếu bãi bỏ trò chơi này. Theo bia Sùng Thiện diên linh, vào năm 1121 có múa rối ở kinh thành Thăng Long
- Ca nhạc, xiếc và sân khấu rối có từ lâu trong dân gian, đến thế kỷ thứ XI đã trở thành nghệ thuật kinh viện diễn trong cung đình. Sau múa rối, sân khấu chèo đã hình thành ở Thăng Long là trò nhại, một hình thức diễn xướng dân gian từ điệu chèo Đưa linh và trò Huyết hồ tạo ra nghệ thuật chèo.

2/ Anh (Chị) hãy cho biết lịch sử quá trình hình thành và phát triển nghệ thuật sân khấu Tuồng (3.5 điểm)

- Đáp án:

➤ Thời kỳ phôi thai

Hát Bội có nguồn gốc từ lối hát “Thần hí” trong tục thờ cúng thần, thờ cúng tổ tiên của người Việt từ thời Bắc thuộc lần thứ nhất trước CN – 86 sau CN và Bắc thuộc lần thứ 2 (43-544). Hình thức ca – diễn đầu tiên được ghi chép trong sử là trò hề của Liễu Thủ Tâm dưới thời Tiền Lê (980 – 1009). Trò diễn này gồm các trò vui kể lại sự tích các nước và truyện Tam Quốc, có con hát vẽ mặt và những người làm trò vui cho các quan, khách trong triều xem.

➤ Thời kỳ phát triển thời Lý – Trần

- Qua các bộ Việt Sử, có thuyết cho rằng Tuồng là nghệ thuật sân khấu Trung Quốc truyền sang Việt Nam thông qua câu chuyện Lý Nguyên Cát dạy Tuồng cho người Việt (năm 1285 sau chiến thắng quân Nguyên – Mông). Nhưng đây chỉ có thể là bước tiếp thu văn hóa bên ngoài trên cơ sở nền sân khấu Việt đã có từ trong dân gian, dân tộc trước đó.
- Năm 1362 Trần Dụ Tông ra lệnh cho các vương hầu đưa nghệ sĩ vào diễn cho vua xem, văn nghệ bắt đầu trở thành phổ biến ở cửa công hầu và trở thành thiết chế của triều đình. Hát Bội thời điểm này là kiểu hát diễn lại các sự tích dựa theo các truyện cổ xưa đã hình thành rõ rệt và phát triển mạnh ở đời nhà Trần.
- Thời kỳ suy vi của hát Bội là vào cuối đời Trần, Hồ Quý Ly (1400-1407) thay nhà Trần nhưng cũng không kịp cải cách gì. Đến đời nhà Lê (1428-1788) đất nước ta bị nhà Minh xâm chiếm, nhân dân ta liên tục nổi dậy chống quân Minh. Chiến thắng của cuộc khởi nghĩa Lê Lợi – Nguyễn Trãi lập ra triều Hậu Lê. Dưới triều Lê Thánh Tôn, văn chương được phát triển. Nhà Lê rất chú trọng phát triển văn hóa, âm nhạc như Âm nhạc cung đình – Triều nhạc do Thái phùng cai quản; Âm nhạc dân gian – dân nhạc do Giáo phường trông coi và chỉ chú ý vào các nghi lễ chứ không trình diễn hát Bội vui chơi như trước nữa

➤ Hát Bội từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII

- Từ thế kỷ XVII nước ta phân chia thành 2 miền:
Miền Bắc (Đàng Ngoài): do vua Lê lên ngôi nhưng lại có chúa Trịnh thực sự nắm mọi quyền hành. Nhân dân miền này dần dần lâm vào tình cảnh đói kém, ly tán vì những cuộc

chiến chống quân xâm lược và những trận đánh chiếm vào Đàng Trong không thành của vua Lê, chúa Trịnh.

Miền Nam (Đàng Trong) do chúa Nguyễn cai trị. Vùng này được ảm no, sung túc một phần do công lao giúp vua xây dựng đất nước của Đào Duy Từ.

- Lúc đầu Hát Bội chỉ ở miền Bắc, chưa có ở miền Trung và miền Nam (Đàng Trong). Đào Duy Từ (1572-1634) là người không những có công lớn trong việc giúp chúa Nguyễn trong việc triều chính mà còn đưa Hát Bội cung đình (Miền Bắc) vào phổ biến trong dân gian miền Trung từ đó phát sinh Hát Bội Bình Định.
- Vào thời Lê – Mạc cũng là một trong những giai đoạn hưng thịnh của nghệ thuật Tuồng với sự ra đời của thể loại Tuồng Thầy. Tuồng Thầy phần lớn là những vở tuồng mẫu mực để truyền nghề, tác giả khuyết danh. Các Tuồng nổi bật còn lưu truyền đến ngày nay là các vở: Sơn Hậu, Tam Nữ đồ vương, An Trào Kiếm, Dương Chấn Tử, Hồ Thạch phủ...

➤ **Hát Bội ở thế kỷ XIX (Tuồng dưới triều Nguyễn)**

- Thời vua Gia Long (1802-1819) vua chỉ lo ổn định kinh tế, chính trị, xã hội nên chưa quan tâm đến nền nghệ thuật nói chung và Hát Bội nói riêng.
- Thời vua Minh Mạng (1820-1840) bắt đầu quan tâm và có những chủ trương đối với Hát Bội, vốn được nhân dân yêu thích, làm vũ khí tư tưởng của triều đình. Vua Minh Mạng còn cho thành lập trường Trường Xuân, sau đổi thành Thanh Bình Thự (đến vua Thành Thái thì bị giải thể và 3 đoàn Hát Bội được gọi là Võ Can đội (thuộc bộ Lễ) đến đầu thế kỷ XX lại đổi thành Thanh Bình thự). Đây là 1 trường đào tạo 3 ngành: múa, nhạc, Hát Bội (các thầy dạy là người Việt, trừ dưới thời Minh Mạng vua mời thêm nghệ sĩ Trung Quốc là Cang Cung Hầu – Càn Cương Hầu sang dạy thêm 1 số làn điệu; Hát Bội không có diễn viên nữ cho đến thời vua Khải Định trở đi mới có).
- Hát Bội phát triển khá rầm rộ thời Minh Mạng, Tự Đức và suy thoái vào cuối triều Nguyễn. Nghệ thuật Hát Bội trong cung đình phát triển mạnh là do vua nhà Nguyễn ưa chuộng. Vua cử quan trông coi, xây Duyệt Thị Đường, phong quan cho người viết kịch bản... Trong khi đó Hát Bội ngoài dân gian vẫn bám rễ sâu bền gốc trong dân, người dân ở vùng đất phương Nam đã đóng góp rất lớn cho sự thịnh đạt và nuôi dưỡng nghệ thuật mãi sống còn với dân tộc.

➤ **Giai đoạn đầu thế kỷ XX đến năm 1945**

- Đầu thế kỷ XX hình thành loại Tuồng lãng mạn hoặc hàng loạt Tuồng mang nội dung mới, có nhiều ảnh hưởng và mang nội dung thời đại, xã hội đương thời như loại Tuồng Xuân nữ, Tuồng cải lương... mang tính tự tình lãng mạn Trung Quốc.
- Tuồng lãng mạn thiên về hình thức, múa đẹp, quần áo đẹp... Âm nhạc thiên về những giọng điệu ủy mị, sụt sướt... như các vở Tái sinh kỳ ngộ, Anh hùng náo, Tội của ai... Hình thức cũng thay đổi theo nội dung, nghệ thuật hát, diễn nhiều thay đổi, chủ yếu làm mù tai, đẹp mắt...
- Tuồng mang nội dung đề tài lịch sử Việt Nam tiếp tục phát triển.
- Ngoài ra một dạng Tuồng mới gọi là “Tuồng Tân Thời” được sinh ra theo xu hướng phát triển của xã hội và thị hiếu của thị dân ở những thành phố mới được hình thành. Nội dung gần với đời sống xã hội, mang đặc điểm của đời sống thành thị. Đáng chú ý có vở Giã kén kệt hom (Phạm Ngọc Hom); Si tình mộng tỉnh (Hoàng Hữu Đôn).
- Trong khoảng từ năm 1925-1945 Tuồng lại bị phân hóa bởi những ảnh hưởng của cải lương, một hình thức sân khấu mới hình thành. Ở miền Trung, hát Bội bỏ qua những bài múa, điệu hát nghệ thuật truyền thống để chỉ đặt phần ca – diễn trên bản Xuân Nữ (gọi là Tuồng Xuân Nữ). Ở miền Nam, do ảnh hưởng của những “gánh hát” Tiều (của người Triều Châu), Hồ Quảng (của người Quảng Đông), đã có những thay đổi về nghệ thuật. Những lối Tuồng này ảnh hưởng về hát, múa, nhạc đệm (sử dụng chập chĩa, phèng la,

các điệu hát của Quảng Đông...) trang phục, hóa trang... Ở miền Bắc, Tuồng cổ cũng bị Tuồng cải lương lấn chiếm.

➤ **Thời kỳ từ sau năm 1945 đến nay**

Với chủ trương bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc, Nhà nước đã có những đầu tư thích đáng cho Tuồng được tổ chức, in ấn; nhiều vở Tuồng cổ được khôi phục, tổ chức truyền dạy, thành lập nhà hát Tuồng trung ương, nghệ thuật Tuồng được giảng dạy trong các trường nghệ thuật.

3/ Anh (Chị) hãy đánh giá thành tựu âm nhạc giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975 (3.0 điểm)

Đáp án:

Giai đoạn âm nhạc đi vào chuyên nghiệp về mọi mặt, âm nhạc mới Việt Nam đã đạt được thành tựu ở nhiều mặt. Đội ngũ nhạc sĩ, sáng tác, biểu diễn, phê bình, nghiên cứu, lý luận, sư phạm, đào tạo... được hình thành và phát triển.

Về sáng tác: hình thành những thể loại âm nhạc mới sáng tác đối với âm nhạc Việt Nam qua quá trình giao lưu, tiếp thu, tiếp cận với âm nhạc Châu Âu. Đề tài sáng tác chủ yếu là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc với số lượng lớn, đủ các thể loại và bước đầu hình thành ba dòng nhạc:

- + Âm nhạc chuyên nghiệp, bác học
- + Âm nhạc quần chúng
- + Âm nhạc dân tộc truyền thống

Âm nhạc mới Việt Nam đã hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong một giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc, đồng hành cùng dân tộc trong cuộc chiến đấu, là biên niên sử bằng âm thanh, ghi lại những dấu ấn không phai và mãi tồn tại cùng đất nước qua những bài ca “đi cùng năm tháng”, “bất hủ”...

Âm nhạc truyền thống bắt đầu được sưu tầm, ghi chép, công bố, xuất bản và nhất là đã được các nhạc sĩ Tân nhạc đưa vào trong tác phẩm của họ. Tuy nhiên âm nhạc truyền thống vẫn còn là những viên ngọc quý giá còn lẫn trong nhân dân, chưa được thu thập đầy đủ. Âm nhạc truyền thống trong đời sống người dân chỉ ở dạng bảo tồn, bảo tàng, chưa được phát huy phát triển trên cơ sở bản sắc văn hóa dân tộc. phải đợi đến sau này, dưới sự lãnh đạo của Đảng, âm nhạc cổ truyền được sưu tầm, nghiên cứu, công bố và đặc biệt quan điểm bảo tồn, phát huy, góp phần xây dựng nền văn hóa mới trên đất nước Việt Nam độc lập, thống nhất.

2. Rubric và thang điểm

Đánh giá cho CELO	Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt Từ 80– 100%	Khá Từ 60 – dưới 80%	Trung bình Từ 50 – dưới 60%	Yếu dưới 40%
CELO 1	hiểu biết về quy luật phát sinh - phát triển của âm nhạc, văn hoá âm nhạc Việt Nam;	25%	nắm vững được quy luật phát sinh – phát triển của các thể loại âm nhạc VN	Nắm được quy luật phát sinh – phát triển của các thể loại âm nhạc VN		Nhầm lẫn kiến thức âm nhạc khi thực hiện
CELO 2	hiểu biết, nắm vững đặc trưng của các thể loại âm nhạc, đặc trưng âm nhạc trong mỗi giai đoạn, thời kỳ;	25%	hiểu biết, đặc trưng của các thể loại âm nhạc, đặc trưng âm nhạc trong mỗi giai đoạn, thời kỳ;	chỉ nắm được 60% các thể loại âm nhạc trong mỗi thời kỳ	chỉ nắm được dưới 60% -50% các thể loại âm nhạc trong mỗi thời kỳ	chỉ nắm được dưới 50% các thể loại âm nhạc trong mỗi thời kỳ

CELO 3	vận dụng những kiến thức về nội dung, hình tượng âm nhạc, phong cách của tác giả âm nhạc Việt Nam để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.	30%	vận dụng được trên 80% kiến thức để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.	vận dụng được trên 60% kiến thức để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.	vận dụng được trên 50% kiến thức để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.	vận dụng được dưới 50% kiến thức để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.
CELO 4	hiểu biết lịch sử, giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam để đóng góp vào sự nghiệp giáo dục các thế hệ sau và góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong âm nhạc.	20%	hiểu biết từ 80% giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam để góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong âm nhạc.	hiểu biết trên 60% giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam để góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong âm nhạc	hiểu biết trên 50% giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam, góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong âm nhạc	Không mong muốn/ bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc
		100%				

- Câu 1: 2.5 điểm
- Câu 2: 3.5 điểm
- Câu 3: 3.0 điểm
- Câu 4: 1.0 điểm

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

TS. Trần Thanh Hà

ThS. Đinh Xuân Bảo Ngọc